

Bản án số: 210/2025/HS-PT
Ngày: 17/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán:

Ông Trần Huy Đức

Ông Phạm Văn Hợp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Thọ Định - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo Ksor H'Gon về tội: "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2024/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- **Bị cáo bị kháng cáo:**

Ksor H'Gon, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1989, tại: Gia Lai; Nơi ĐKHTTT và chỗ ở trước khi bị bắt: **Thôn H, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai**. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ja rai; Tôn giáo: Tin lành. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nữ; Cha: Nay Lỡ, sinh năm 1970. Mẹ: **Ksor H**, sinh năm: 1972. Chồng: **Siu T**, sinh năm: 1984. Bị can có 01 người con, sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam **Công an tỉnh G**. Có mặt.

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông **Trần Mạnh T1** – Luật sư của **Văn phòng L, Đoàn luật sư tỉnh G**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ksor H'Gon là tổ trưởng tổ vay vốn của **Ngân hàng chính sách huyện I** tại **xã I, huyện I** và có mối quan hệ quen biết với ông **Đinh Văn T2**, bà **A H1**, bà **R-ô H2** (cùng trú tại: **Thôn H, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai**). Ksor H'Gon thường xuyên vay mượn tiền của bà **R H'Ngunh** để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng và giải quyết việc cá nhân. Quá trình vay mượn tiền, sau khi làm đáo hạn ngân hàng thì **H3** đều trả tiền gốc và tiền lãi đầy đủ cho bà **R-ô H'Ngunh**. Tuy nhiên, từ ngày 03/12/2021 đến ngày 13/01/2022, **Ksor H3** đã vay của ông **Đinh Văn T2**, bà **A H1**, bà **R-ô H2** với tổng số tiền 1.210.000.000 đồng để làm dịch vụ

đáo hạn ngân hàng và giải quyết công việc cá nhân, cam kết đến ngày 21/01/2022 sẽ hoàn trả lại tiền vay cho ông T2, bà H1 và bà R-ô H2, nhưng khi đáo hạn ngân hàng xong, Ksor H3 không trả tiền mà sử dụng tiền vay trả nợ cho người khác và tiêu xài cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả nợ nên đã bỏ trốn vào xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai để sinh sống chiếm đoạt tiền vay, trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Khi đi khỏi địa phương, Ksor H3 không thông báo cho ông T2, bà A H1, bà R-ô H2 và chính quyền địa phương biết. Cụ thể như sau:

1.1. Hành vi chiếm đoạt số tiền 680.000.000 đồng của bà R-ô H2 (sinh năm: 1986, trú tại: Thôn H, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai):

Thông qua mối quan hệ là dì cháu và cùng công tác tại xã I với nhau từ năm 2011, Ksor H3 đã nhiều lần vay tiền của bà R-ô H2 và đều thanh toán đầy đủ. Tuy nhiên, từ ngày 03/12/2021 đến ngày 04/01/2022, H3 đã 05 lần vay mượn của bà H2 tổng số tiền là 780.000.000 đồng để đáo hạn tại Ngân hàng chính sách huyện I và Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Phòng giao dịch huyện I, hẹn đến ngày 08/01/2022 sẽ trả hết số tiền này cho bà R-ô H'Ngunh, nhưng đến hạn Ksor H3 chỉ trả cho bà R-ô H'Ngunh số tiền 100.000.000 đồng còn lại số tiền 680.000.00 đồng, H3 không trả mà bỏ đi khỏi địa phương nên ngày 03/11/2022 bà R-ô H2 đã làm đơn tố giác Ksor H3 về hành vi chiếm đoạt tài sản số tiền 680.000.000 đồng.

1.2. Hành vi chiếm đoạt số tiền 380.000.000 đồng của ông Đinh Văn T2 (sinh năm: 1983, trú tại: Thôn Đ, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai):

Ksor H3 và ông Đinh Văn T2 cùng là tổ trưởng tổ vay vốn của Ngân hàng C tại xã I, huyện I nên ông T2 quen biết với Ksor H3 và biết H3 có làm đáo hạn ngân hàng cho người có nhu cầu. Nên khi, Ksor H3 đặt vấn đề vay tiền của ông Đinh Văn T2 để làm đáo hạn ngân hàng và sử dụng cá nhân thì ông T2 đồng ý và cho H3 vay tiền, cụ thể ngày 11/01/2022 vay số tiền 50.000.000 đồng, ngày 12/01/2022 vay số tiền 100.000.000 đồng, ngày 13/01/2022 vay số tiền 230.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng chính sách huyện I và giải quyết việc cá nhân. Ksor H'Gon đã ký tên vào 03 giấy mượn tiền trên, hẹn đến ngày 17/01/2022 sẽ thanh toán đầy đủ gốc lãi cho ông T2. Đến hạn trả nợ ông T2 đã nhiều lần yêu cầu H3 trả tiền nhưng H3 không trả tiền mà đã bỏ đi khỏi địa phương.

Do Ksor H3 không thực hiện việc cam kết và bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 26/8/2022 ông T2 đã làm đơn tố giác Ksor H3 về hành vi chiếm đoạt tài sản số tiền 380.000.000 đồng.

1.3. Hành vi chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng của bà A H1 (sinh năm: 1972, trú tại: Thôn H, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai):

Bà A H1 và Ksor H3 cùng công tác trong tổ vay vốn Ngân hàng chính sách xã I, huyện I nên quen biết nhau và biết H3 có làm đáo hạn ngân hàng cho người có nhu cầu. Nên ngày 11/01/2022 khi Ksor H3 đặt vấn đề vay tiền của bà A H1 để đáo hạn Ngân hàng chính sách huyện I và giải quyết việc cá nhân hẹn đến ngày 21/01/2022 sẽ trả lại tiền cho bà A H1 thì bà A H1 đồng ý và cho H3 vay số tiền 150.000.00 đồng. Ksor H'Gon đã ký tên vào giấy mượn tiền đề ngày 11/01/2022. Tuy nhiên, đến hạn H3 không trả tiền cho bà A H1 như cam kết và bỏ đi khỏi địa phương nên ngày 26/8/2022 bà A H1 đã làm đơn tố giác Ksor H'Gon về hành vi chiếm đoạt tài sản số tiền 150.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Sau khi vay mượn tiền của các bị hại nêu trên,

Ksor H3 đã sử dụng một phần để đáo hạn ngân hàng, một phần sử dụng cá nhân, tuy nhiên sau khi đáo hạn xong thì **H3** không trả nợ như cam kết mà sử dụng toàn bộ số tiền vay tiêu xài cá nhân, dẫn đến không có tiền để trả nợ nên đã bỏ trốn khỏi địa phương vào đầu tháng 7/2022. Ngày 28/9/2023 bị can **Ksor H3** bị khởi tố về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và ra Quyết định truy nã. Đến ngày 03/11/2023 bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G tại huyện N, tỉnh Đồng Nai.

* **Vật chứng thu giữ:** Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G tạm giữ các đồ vật, tài liệu sau:

- 03 (Ba) “GIẤY MƯỢN TIỀN” đề các ngày 11,12,13/01/2022 (Bản gốc) do ông **Đinh Văn T2** giao nộp.

- 01 tờ giấy mượn tiền được viết trên tờ giấy của quyển sổ tay (Bản gốc) do bà **A H1** giao nộp.

* **Dân sự:** Các bị hại yêu cầu Ksor H’Gon bồi thường số tiền đã chiếm đoạt, hiện nay H’Gon chưa bồi thường cho các bị hại.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2024/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo **Ksor H3** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Ksor H3 14 (Mười bốn)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt và phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/01/2025, Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt.

[2] Lời khai nhận của bị cáo **Ksor H3** phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định:

Từ ngày 03/12/2021 đến ngày 13/01/2022, **Ksor H3** đã vay mượn tiền của ông **Đinh Văn T2**, bà **A H1**, bà **R-ô H2** để làm đáo hạn ngân hàng và giải quyết việc cá nhân. Trong đó vay của bà R-ô H’Ngunh số tiền 680.000.000đ; vay của ông **Đinh Văn T2** số tiền 380.000.000đ và vay của bà **A H1** số tiền 150.000.000đ.

Tổng số tiền vay là 1.210.000.000 đồng. Bị cáo cam kết sẽ trả nợ khi đến hạn, nhưng sau khi vay bị cáo sử dụng một phần để đáo hạn ngân hàng, số còn lại bị cáo sử dụng vào mục đích cá nhân dẫn đến mất khả năng trả nợ. Đầu tháng 7 năm 2022 bị cáo bỏ trốn nhằm chiếm đoạt toàn bộ số tiền đã vay.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Ksor H3** về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, thấy rằng: Hành vi của bị cáo đã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác với số tiền lớn, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an.

Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Sau phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại bà R-ô H'Ngunh xin giảm nhẹ hình phạt, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 hình phạt. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Về án phí phúc thẩm hình sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Ksor H3**, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Ksor H3 14 (Mười bốn)** năm tù, về tội “*Lạm dụng chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2023.

Về án phí phúc thẩm hình sự: *Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:*

Buộc bị cáo **Ksor H3** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

Nguyễn Cường